

TẠI SAO TRUNG QUỐC NHẤT ĐỊNH CẦN BIỂN ĐÔNG CHO RIÊNG MÌNH: MỘT QUAN ĐIỂM ĐỘC LẬP VÀ HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI TỪ BÊN NGOÀI

Trưởng Daniel Schaeffer, Viện chính sách Pháp Ásie 21

Cựu tùy viên quân sự Pháp tại Thái Lan, Việt Nam và Trung Quốc

Kính thưa chủ tịch, các quý ông và quý bà,

Tôi xin gửi lời cảm ơn tới ban tổ chức hội thảo quốc tế lần thứ ba về “Biển Đông: Hợp tác vì phát triển và an ninh khu vực” đã mời tôi trình bày về chủ đề: “Tại sao Trung Quốc nhất định cần Biển Đông cho riêng mình”

Bài trình bày này là một quan điểm về tương lai và độc lập hoàn toàn. Tôi xin nhấn mạnh điều đó. Bài trình bày dựa trên việc phân tích những thông tin khác nhau mà tôi thu thập được không chỉ về tình hình ở Biển Đông mà còn ở biển Hoa Đông, và thậm chí cả ở khu vực Thái Bình Dương. Bài tham luận này cũng gần như lặp lại những gì tôi đã giới thiệu trước đó ở Đài Bắc vào ngày 7 tháng 10, trong một hội thảo quốc tế được tổ chức bởi Sở Nghiên cứu Âu - Mỹ của Viện Nghiên cứu Trung ương về "Các vấn đề Luật và Chính sách chủ yếu ở Biển Đông: Quan điểm của châu Âu và Mỹ"

Do sự hung hãn của Trung Quốc thể hiện gần đây trong việc bảo vệ những gì họ coi là quyền lợi chính đáng ở Biển Đông theo nguyên tắc đường chín đoạn đứt khúc, ví dụ như việc cắt cáp khảo sát địa chấn của tàu Việt Nam vào ngày 26 tháng 5 và ngày 9 tháng 6, hoặc việc gây sức ép với công ty dầu khí Ấn Độ ONGC Videsh không được cùng với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam khai thác hai lô ngoài khơi Việt Nam nhưng vắt ngang đường chín đoạn đứt khúc, tất cả những sự kiện như thế này đều được báo chí quốc tế đưa tin, mọi người trên Thế giới đều tin rằng sự quả quyết này của Trung Quốc chỉ dựa trên những lý do về kinh tế.

Do hàng năm Trung Quốc đơn phương áp đặt lệnh cấm đánh bắt cá trong khu vực tranh chấp tại Biển Đông, một quyết định được báo chí quốc tế truyền tin, nên mọi người trên thế giới đều tin rằng sự quả quyết này của Trung Quốc là dựa trên những lý do kinh tế và môi trường.

Tất cả những lý do hiển nhiên này tất nhiên là không phải không có căn cứ. Những lý do này là những lý do thật sự. Nhưng trên tất cả là đây chỉ là những lý do bề mặt đang che giấu phía sau những ý định và lợi ích sâu xa của Trung Quốc. Những ý định và lợi ích này trên tất cả đều liên quan đến bố trận quốc phòng của Trung Quốc, đối mặt với những gì mà Trung Quốc coi là chính sách ngăn chặn của Mỹ chống lại mình, nếu không nói là mối đe dọa Mỹ. Trong những tính toán như vậy, Biển Đông không khác gì một quân cờ, một quân cờ quan trọng, nhưng chỉ là một quân cờ trong kế hoạch phòng thủ tổng thể mà Trung Quốc đang xây dựng nhằm hạn chế cái được cho là mối đe dọa Mỹ. Kế hoạch phòng thủ tổng thể này của Trung Quốc dựa trên ba giai đoạn:

1- Đảm bảo cho hải quân Trung Quốc tự do hàng hải hoàn toàn trên toàn Biển Đông, đặc biệt là cho các tàu ngầm chiến lược của Trung Quốc(SSBNs)¹, mà không bị bất cứ lực lượng hải quân nước ngoài nào xen vào bằng việc đi lại ở khu vực này. Đây là lý do chính giải thích tại sao, để thực hiện mục đích chiến lược của mình, Trung Quốc nhất quyết muốn biến Biển Đông thành một khu thánh đường. Điều này giải thích tại sao Trung Quốc đang rất muốn Hải quân Mỹ không tiếp tục qua lại trên vùng biển này nữa.

2- Lấy lại Đài Loan để có được vùng biển có chủ quyền thực sự và tự do hoàn toàn cho tàu bè của Trung Quốc tự do tiến ra biển khơi, ít nhất là trong thời gian hòa bình, hoặc thậm chí là trong các cuộc khủng hoảng cấp thấp, hoặc hơn nữa là trong một chiến tranh lạnh thứ hai mà dường như bắt đầu xuất hiện. Chiến tranh là một vấn đề khác bởi vì trong tình trạng chiến tranh, tất cả các nguyên tắc của Công ước LHQ về Luật Biển liên quan đến việc quản lý của các quốc gia đối với các vùng biển tiếp giáp bờ biển của mình đều bị phá vỡ, do những tính toán và nhu cầu tác chiến có lẽ chiếm ưu tiên mà không dành chỗ cho bất kỳ cân nhắc nào khác.

3 – Bố trí tàu ngầm chiến lược của Trung Quốc nhắm vào các bờ biển Mỹ trong tầm tên lửa, bao gồm trước hết là Hawaii.

Để minh họa cho những giả thuyết này, tôi bắt đầu từ ba sự việc sau:

1 – Điều đầu tiên là quan hệ Trung Quốc- Mỹ không có chút tin tưởng nào. Ngờ vực giữa hai nước có thể là từ chủ đạo, ngay cả khi cả hai đang cố gắng hết

¹ Tàu ngầm tên lửa đạn đạo sử dụng năng lượng hạt nhân

sức để duy trì một dạng giữ đối thoại, bao gồm cả trong lĩnh vực quốc phòng để tránh những sự cố có thể biến thành xung đột.

2 - Điều thứ hai là, khá bình thường nếu như bất kỳ quốc gia nào trên Thế giới đều muốn bảo đảm nền quốc phòng của mình là tốt nhất có thể. Tuy nhiên, những mối lo lắng về quốc phòng có thể biến thành hiếu chiến đối với láng giềng bởi vì bên lo lắng cảm thấy bản thân bị cản trở trong việc triển khai hoạch tổng thể mà họ đã vạch ra để tổ chức phòng thủ.

Điều này đúng trong trường hợp của Trung Quốc, vượt lên trên các chuyện thăm ngoại giao, thỉnh thoảng những lời nói giao hảo, thì luôn coi Mỹ là một kẻ thù tiềm năng cũng như Mỹ không hề tin vào hành xử hoà bình của Trung Quốc trong tương lai.

3 - Điểm thứ ba là, ngoại trừ Bắc Triều Tiên, tất cả các nước láng giềng ở hai vùng biển Trung Quốc đều lo ngại sâu sắc bởi sức mạnh quân sự đang tăng của Trung Quốc.

Nhật Bản gần đây đã thể hiện mối lo ngại này bằng những từ ngữ được lựa chọn cẩn thận, trong sách trắng thường niên về quốc phòng, được phổ biến vào ngày 02 tháng 8, như có thể thấy trong đoạn tóm tắt mở đầu: "về các vấn đề về xung đột lợi ích với các quốc gia xung quanh, bao gồm cả Nhật Bản, phản ứng của Trung Quốc đã bị chỉ trích là độc đoán, và có một mối lo ngại về chiều hướng tương lai của Trung Quốc". "Trung Quốc đang mở rộng và tăng cường các hoạt động ở vùng biển xung quanh. Thiếu minh bạch trong chính sách quốc phòng, và các hoạt động quân sự của Trung Quốc đang được coi là một vấn đề lo ngại đối với khu vực và cộng đồng quốc tế, bao gồm cả Nhật Bản, những hiện tượng đòi hỏi sự phân tích thận trọng". Tuy nhiên, do những dòng viết như vậy, Trung Quốc cho rằng Nhật Bản đang truyền bá "thuyết mối đe dọa Trung Quốc". Vì lẽ đó, sách trắng Nhật Bản đã được chào đón bằng một phủ định mạnh được đoán biết trước từ phía Trung Quốc vào ngày 4 tháng 8.

Các quốc gia Đông Nam Á, vì lợi ích vùng nước xung đột hiện nay ở Biển Đông, lo sợ rằng Trung Quốc muốn áp đặt các giải pháp riêng của mình bằng vũ lực để giải quyết vấn đề chỉ thỏa mãn lợi ích riêng của mình. Các quốc gia trực tiếp tham gia vào tranh chấp như Việt Nam, Phi-lip-pin, Ma-lay-xi-a, Bru-nây hoặc những nước cảm thấy thực sự lo lắng như In-do-ne-xi-a và Sing-gapo đang cố gắng kháng cự lại tham vọng bá quyền của Trung Quốc bằng cách tìm kiếm giải pháp hòa bình cho tình hình mà không từ bỏ lợi ích riêng, đôi khi chông

chéo, của mình. Tình hình như vậy giúp tạo ra sự phân chia giữa các quốc gia Đông Nam Á có liên quan, sự phân chia mà từ đó Trung Quốc đang cố gắng kiếm lợi. Và Trung Quốc đã phần nào thành công trong việc này vì Thái Lan, Cam-pu-chia, Lào và My-an-ma, kể cả khi không phản đối các đối tác khác của họ trong cuộc đương đầu với Trung Quốc, giữ im lặng trong về vấn đề Biển Đông bởi vì họ không muốn mất lòng Trung Quốc.

Trong điều kiện như vậy, một trong những vấn đề làm cho các quốc gia Đông Nam Á cảm thấy không thật dễ chịu đó là, nếu một mặt Trung Quốc đang bảo vệ mạnh mẽ những gì quốc gia này coi là quyền chủ quyền của họ ở Biển Đông, thì mặt khác chính Trung Quốc dường như lại đang đưa ra các đề xuất hòa bình. Trong số đó, như giáo sư Su Hao đã dẫn chứng ở thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 11 năm 2010, là các kế hoạch phát triển kinh tế chung đa dạng và khổng lồ, trong đó có hành lang phát triển Nam Ninh – Sing-ga-po, chương trình hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông, Hợp tác Kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng, tất cả đều được thúc đẩy để biến Biển Đông trở thành một hồ nước hòa hợp. Tất cả các chương trình này thực sự có vẻ thú vị. Nhưng đằng sau đó là ý chí của Trung Quốc muốn ràng buộc các quốc gia khác nhau liên quan đến Trung Quốc theo cách giống như, trong thời đại đế triều, một vài trong số những quốc gia này đã từng là chư hầu của các hoàng đế đế triều Trung Hoa. Chúng ta có thể gọi đây hội chứng đế triều.

Một ví dụ khác là năm ngoái, một sự chấp nhận đột ngột về nguyên tắc từ phía Trung Quốc, khả năng thương lượng để chuyển "Tuyên bố ASEAN-Trung Quốc về cách ứng xử của các bên (DOC năm 2002)" trở thành một bộ quy tắc ứng xử. Hiện giờ, chính câu hỏi là tại sao lại có sự thay đổi đột ngột như vậy, khi chúng ta biết rằng, trong khi đàm phán DOC, Trung Quốc đã không bao giờ muốn nghe bất cứ điều gì về việc xây dựng bộ quy tắc này. Và nếu chúng ta xem xét rằng cho đến nay, ở biển Hoa Đông, thỏa thuận khung đã được thông qua vào tháng sáu năm 2008 giữa Trung Quốc và Nhật Bản để cùng khai thác mỏ dầu khí Chunxiao / Shirakaba (Xuân Hiểu - nd) đã không được thực thi bởi các chương trình triển khai (trừ khi tôi thiếu một số thông tin), chúng ta có thể tưởng tượng các cuộc đàm phán giữa Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á kéo dài bao lâu trước khi đạt đến một bộ quy tắc ứng xử cuối cùng. Câu hỏi này đã được gián tiếp trả lời bởi ông Dương Khiết Trì, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc, trong các cuộc thảo luận diễn ra với bộ trưởng ngoại giao các nước ASEAN tại Bali vào cuối tháng Bảy năm ngoái khi ông nói: "*khi các điều kiện*

chín mươi, chúng tôi sẵn sàng thảo luận với ASEAN để thiết lập bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông ". Một tuyên bố như vậy đang cắt ngang các suy đoán mà theo đó một số nhà phân tích nghĩ rằng những nguyên tắc Bali ban hành ngày 29 tháng 7 là một sự khởi đầu hướng đến các đàm phán cho một bộ quy tắc ứng xử. Thực tế là, những nguyên tắc này chỉ nhằm mục đích "bảo đảm việc thực hiện cụ thể Tuyên bố về ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC)²"

Tất cả những lời giới thiệu này nhằm nhấn mạnh thực tế rằng, để đảm bảo cho kế hoạch phòng thủ triệt để chống lại các thế lực được coi là thù địch mà có thể là Mỹ và đồng minh, đặc biệt là Nhật Bản, Trung Quốc hoàn toàn cần biển Đông một thánh đường. Tuy nhiên, trong chiến lược tổng thể toàn diện của Trung Quốc để bảo đảm quốc phòng của mình, Biển Đông dường như chỉ là một quân cờ, chắc chắn là một quân cờ lớn, tuy nhiên chỉ một quân cờ, trên bàn "cờ vây" (Wéiqí / 围棋) lớn mà Trung Quốc đang chơi để bao vây Đài Loan và khiến Đài Loan sau này phải quay trở về với tổ quốc. Mục đích của việc bao vây này, không lộ rõ tại thời điểm hiện tại, là nếu thống nhất không diễn ra một cách hòa bình, Trung Quốc vẫn tự do sử dụng lực lượng quân sự để đạt mục tiêu trong khi ngăn Mỹ ở xa và không hỗ trợ Đài Loan.

Ngoài những bài phát biểu chính thức chủ trương việc quay trở lại với tổ quốc, lý do chính khiến Trung Quốc muốn thu hồi Đài Loan là Trung Quốc muốn toàn quyền tiến ra biển khơi Thái Bình Dương, mà không có bất kỳ hạn chế nào. Mục đích là tạo khả năng cho hải quân Trung Quốc tiến đến gần lãnh thổ Mỹ, Hawaii và CONUS, trong tầm tên lửa đạn đạo. Vì vậy đó là lý do tại sao, để đảm bảo an ninh riêng của mình chống lại một mối đe dọa được cho là từ Trung Quốc, Mỹ hoàn toàn cần Đài Loan tiếp tục độc lập. Làm thế nào để chứng minh cho tất cả những điểm này?

Về việc biển Đông thành thánh đường của Trung Quốc, tôi đã chứng minh cuối tháng 11 năm 2010 tại thành phố Hồ Chí Minh, bằng cách nào, dựa vào đoạn đứt khúc chín đoạn, Trung Quốc đang ngụy dựng lên một lý lẽ biện hộ cho những tham vọng của mình đối với khu vực. Tôi xin phép được tiếp tục từ điểm này.

Điểm xuất phát là Trung Quốc giải thích Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển (UNCLOS) theo cách riêng của mình. Thực tế là, Trung Quốc đang

² Tiến sĩ Jian Junbo, *Trung Quốc ngăn chặn va chạm trong vùng biển Nam Trung Hoa*, <http://www.atimes.com/atimes/China/MG29Ad01.html>

áp dụng quy tắc đường cơ sở thẳng cho các quần đảo khác nhau mà họ tuyên bố chủ quyền, mặc dù quy tắc như vậy chỉ áp dụng cho các Quốc gia quần đảo (Phần IV của UNCLOS) và không bao giờ áp dụng cho bất kỳ loại quần đảo khác. Bất kỳ quốc gia nào được thừa nhận là có chủ quyền hợp pháp thật sự đối với những nhóm được cho là quần đảo này, đều chỉ nên áp dụng thể chế sẵn có dành cho chúng, tức là thể chế các đảo (Điều 121 của UNCLOS).

Tuy nhiên, trong trường hợp hiện tại, chúng ta có thể thấy rằng Trung Quốc đang áp dụng thể chế quốc gia quần đảo cho các quần đảo đang bị tranh chấp. Trung Quốc thực hiện theo cách sau:

- Cụ thể đối với Hoàng Sa, như được mô tả trong "Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về đường ranh giới lãnh hải", đã được công bố công khai vào 15 tháng 5 năm 1996

- Gần như đối với Trường Sa tại thời điểm hiện tại; tuy nhiên đã được chứng thực bằng các công hàm thường của Trung Quốc tại Liên Hợp Quốc vào ngày 14 Tháng Tư, 2011 để phản đối các công hàm thường của Phi-lip-pin mà trong đó Ma-ni-la tuyên bố những gì họ coi là quyền chủ quyền của họ đối với vùng Kalayaan, một phần của Trường Sa. Thực tế là, công hàm ghi "quần đảo Nam Sa³ của Trung Quốc là hoàn toàn có quyền có Lãnh hải, EEZ và Thềm Lục địa".

- Gần như cũng áp dụng đối với bãi Macclesfield (TQ: Trung Sa - nd) mà Trung Quốc đang tuyên bố chủ quyền, mặc dù không bất kỳ quốc gia nào có thể tuyên bố quyền gì đối với bãi Macclesfield. Bởi vì đây là một bãi ngầm. Bởi vì bãi ngầm này ngập trong nước vĩnh viễn tại bất kỳ thời điểm thủy triều nào. Nhưng tuyên bố chủ quyền đối với một bãi ngầm là đi ngược lại với Công ước quốc tế của LHQ về Luật biển, vì Công ước quốc tế của LHQ về Luật biển không thiết lập bất kỳ quy chế nào cho bãi ngầm mà chỉ cho "bãi cạn lúc nổi lúc chìm" (Điều 13). Bãi Macclesfield thì không phải là một "bãi cạn lúc nổi lúc chìm". Trung Quốc biết điều đó. Đó là lý do tại sao, để lách khó khăn Trung Quốc đã phát triển khái niệm quần đảo Trung Sa (Zhongsha qundao (中沙群岛))⁴. Làm thế nào?

³ Trường Sa (Spratly – ND) theo tiếng Trung

⁴ Zou Keyuan, “Rạn san hô Scarborough: Một điểm nóng mới trong quan hệ Trung- Philippines?”, Cơ quan nghiên cứu về ranh giới quốc gia, *Tạp san Ranh giới và An ninh*, Số 2, (Mùa hè 1999): 71-81.

Để làm được điều đó, Trung Quốc chỉ đơn giản gộp các thực thể sau đây thành một thực thể duy nhất: 1 – Bãi Macclesfield, theo địa lý; 2 – Bãi ngầm Truro cũng không bao giờ nổi lên khỏi mặt nước; và 3 – Rặng san hô Scarborough, một thực thể bao gồm một số đá nhỏ nằm rải rác trên một khu vực khoảng 150 km² (19km đến khoảng 13km). Những đá này, là phần còn lại của một rặng san hô chìm, đang nổi lên khi thủy triều xuống. Vì vậy chúng được có lãnh hải, nhưng không có EEZ, vì những đá này tự bản thân không thể duy trì bất kỳ cuộc sống nào. Và nhờ rặng san hô Scarborough, theo cách tranh cãi với Phi-lip-pin, mà Trung Quốc coi việc tập hợp một cách trí tuệ các thực thể rải rác thành một quần đảo mà bao quanh nó, vào thời điểm hiện tại, Trung Quốc gần như đã vẽ những đường cơ sở thẳng. Đây là khái niệm quần đảo Trung Sa (Zhongsha qundao (中沙群岛) concept). Hơn nữa, thêm vào sự mâu thuẫn của khái niệm này là không có bất kỳ sự liên tục địa mạo nào liên kết ba thực thể này. Trên thực tế, có một dải trũng 4000 mét giữa bãi Macclesfield và bãi Truro.

Đây là một loạt những điểm và yếu tố cần được xem xét

Yếu tố thứ hai liên quan đến những quy tắc về việc hải quân nước ngoài qua lại lãnh hải và EEZ của một quốc gia. Về việc đi lãnh hải, đối ngược với điều 17, phần II, mục III của Công ước của LHQ về Luật biển, Trung Quốc phủ nhận những quyền đi qua lại không gây hại của hải quân nước ngoài trừ khi tàu bè nước ngoài được Bắc Kinh đồng ý trước. Nhân tiện, Việt Nam và Indonesia cũng áp dụng quy định y hệt đối với hải quân nước ngoài trước khi nước ngoài được cho phép đi qua lãnh hải của họ.

Thêm vào đó, Trung Quốc đang có xu hướng áp dụng đối với các EEZ của mình những quy định thông thường chỉ dành cho lãnh hải. Ít nhất, một sự việc với Mỹ đang chứng minh điều đó. Sự việc diễn ra vào ngày 1 tháng 4 năm 2001, liên quan đến một máy bay do thám EP-3 Orion của Mỹ. Vào hôm đó, hai máy bay chặn máy đánh chặn J-8 của Trung Quốc đã quấy rối máy bay của Mỹ bằng những động tác nguy hiểm, dẫn tới thiệt hại một chiếc J-8 và gây ra tổn thất đối với máy bay của Mỹ, khiến máy bay này buộc phải hạ cánh khẩn cấp xuống đảo Hải Nam. Sự việc xảy ra khoảng 70 dặm ngoài khơi bờ phía Nam của đảo Hải Nam, nghĩa là ngoài vùng lãnh hải Hải Nam nhưng trong vùng đặc quyền kinh tế Hải Nam. Điều đó có nghĩa là vụ việc xảy ra do các máy bay chiến đấu Trung Quốc cố tình khiêu khích, chính xác như thể là họ đang thực hiện nhiệm vụ cấm máy bay nước ngoài xâm nhập vào vùng trời Trung Quốc. Điều đó có nghĩa

rằng Trung Quốc đang coi các quy tắc hàng hải trong vùng đặc quyền kinh tế của mình đồng nhất với những gì đang áp dụng đối với hàng hải quân sự trong vùng lãnh hải. Đúng là một cách diễn giải sai lầm về luật biển, vì phần chủ quyền mà một quốc gia có thể hưởng từ vùng đặc quyền kinh tế chỉ liên quan duy nhất đến quyền kinh tế và việc thực thi pháp luật gắn liền với quyền kinh tế đó .

Trên thực tế, điều 56 thể hiện rằng:

"1. Trong vùng đặc quyền kinh tế, quốc gia ven biển có:

a) Các quyền thuộc chủ quyền về việc thăm dò khai thác, bảo tồn và quản lý các tài nguyên thiên nhiên, sinh vật hoặc không sinh vật, của vùng nước bên trên đáy biển, của đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, cũng như về những hoạt động khác nhằm thăm dò và khai thác vùng này vì mục đích kinh tế, như việc sản xuất năng lượng từ nước, hải lưu và gió.

b) Quyền tài phán theo đúng những quy định thích hợp của Công ước về việc:

- i. Lắp đặt và sử dụng các đảo nhân tạo, các thiết bị và công trình;
- ii. Nghiên cứu khoa học về biển;
- iii. Bảo vệ và gìn giữ môi trường biển;

c) Các quyền và các nghĩa vụ khác do Công ước quy định.

Và điều 73.1 quy định: " Trong việc thực hiện các quyền thuộc chủ quyền về thăm dò, khai thác, bảo tồn và quản lý các tài nguyên sinh vật của vùng đặc quyền về kinh tế, quốc gia ven biển có thể thi hành mọi biện pháp cần thiết, kể cả việc khám xét, kiểm tra, bắt giữ và khởi tố tư pháp để bảo đảm việc tôn trọng các luật và quy định mà mình đã ban hành theo đúng Công ước. " .

Trong những dòng này, không chỗ nào đặt vấn đề về bất kỳ hạn chế nào đối với hàng hải nước ngoài trong vùng đặc quyền kinh tế của một quốc gia, bao gồm cả khi các tàu là tàu quân sự. Vì vậy việc bay qua của Orion EP-3, trong bất kỳ trường hợp nào, đều không mâu thuẫn với Công ước của LHQ về Luật biển. Người Trung Quốc quan niệm ngược lại.

Một ví dụ khác là sự cố xảy ra cũng vào tháng tư năm 2001, trong vùng biển quốc tế của eo biển Đài Loan, chính xác hơn là nằm về phía Đài Loan tính từ đường trung tuyến phân chia Đài Loan và vùng đặc quyền kinh tế đại lục

Trung Quốc. Tại thời điểm đó ba tàu hải quân Au-stra-li-a trên đường đến Hồng Kông sau một cuộc diễn tập ở Hàn Quốc đã bị tàu Trung Quốc quấy rối, qua radio tuyên bố với đội tàu Au-stra-li-a là phía Au-stra-li-a đang đi lại trong lãnh hải Trung Quốc.

Gần đây hơn, vào ngày 29 tháng 6 năm 2011, trong một sự cố mà phần nào giống với sự cố EP-3 Orion, hai máy bay chiến đấu Sukhoi-27 của Trung Quốc đã bám theo máy bay do thám U-2 của Mỹ qua eo biển Đài Loan, và một trong hai máy bay này thậm chí còn vượt qua đường trung tuyến.

Và, nếu chúng ta có thể so sánh biển Đông với Địa Trung Hải, chúng ta sẽ phải nhớ rằng trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, rất nhiều tàu chiến Liên Xô đã đến và qua lại trên Địa Trung Hải để thu thập tình báo về các lực lượng NATO đang triển khai ở đây. Vào thời điểm đó, nếu trong nội bộ các quốc gia ven Địa Trung Hải có thể hiện lo ngại về sự hiện diện của Liên Xô, thì cũng không quốc gia nào đã cố trục xuất tàu Liên Xô ra khỏi khu vực hoặc bằng vũ lực hoặc bằng lời nói, vì thế là tôn trọng Luật biển bên ngoài lãnh hải của mình. Hoạt động duy nhất mà các quốc gia ven biển được thực hiện đối với tàu xâm nhập là định vị và theo dõi, mà không thực hiện bất kỳ cưỡng ép nào buộc những tàu này rời Địa Trung Hải. Tại sao việc giải quyết với những tình huống khó khăn và căng thẳng như vậy lại không thể giúp cải thiện hành vi của các bên tranh chấp ở biển Đông?

Từ hai yếu tố tổng quan chính phân tích ở trên, có thể rút ra các kết luận sau:

- 1 – Từ việc áp dụng đường cơ sở thẳng cho các quần đảo (không phải là quốc gia quần đảo) tranh chấp, Trung Quốc coi đường chín đoạn là đường trung tuyến giữa phần Trung Quốc coi là chủ quyền đảo của mình với các quốc gia tiếp giáp biển Đông. Vương Tích Quang, nhà nghiên cứu đã tham gia công tác biên soạn bản đồ cho Cục Địa lý thuộc Bộ Nội vụ của sau này là Cộng hòa Trung Hoa, dưới sự lãnh đạo của Quốc Dân Đảng, có nói: “*đường biên giới quốc gia đứt khúc được vẽ là đường trung tuyến giữa Trung Quốc và các quốc gia liền kề*”⁵.

⁵ Lý Tấn Minh và Lý Đức Hu, "Ghi chú về đường đứt đoạn trong Bản đồ của Trung Quốc về Biển Nam Trung Hoa", *Phát triển Biển và Luật Quốc tế*, Taylor & Francis, Londres, 3/1/2003, trang 287 – 295. Trong bài này các tác giả đã nói “Đề chỉ rõ vùng chủ quyền của Trung Quốc trên Biển Nam Trung Hoa, Cục Địa lý thuộc Bộ Nội vụ của nước Cộng hòa Trung Hoa lúc đó (dưới sự lãnh đạo của Quốc Dân Đảng) đã in *Bản đồ vị trí các đảo Biển Nam Trung Hoa (Nanhai zhudao weizhi tu)* năm 1947. Trong bản đồ này, các Đảo Đông Sa, Đảo Hoàng Sa, Bờ Macclesfield, và các Đảo Trường Sa

- 2 – Trung Quốc coi khu vực trong đường đứt đoạn chín khúc là vùng đặc quyền kinh tế hoặc lãnh hải. Trung Quốc đưa ra cách hiểu thứ hai dựa trên hai cách tư duy sau. Một là Trung Quốc coi khu vực này là lãnh hải của mình. Một cách nghĩ khác là Trung Quốc coi khu vực này là vùng biên lịch sử, viện có đường đứt đoạn chín khúc đã tồn tại hơn sáu mươi năm và không ai bày tỏ phản đối đối với sự tồn tại của đường này kể từ khi Cục Địa lý thuộc Bộ Nội vụ của sau này là Cộng hòa Trung Hoa, dưới sự lãnh đạo của Quốc Dân Đảng, in *Bản đồ vị trí các đảo Biển Nam Trung Hoa (Nanhai zhudao weizhi tu)* vào năm 1947⁶

Nhân tiện cũng cần nhớ rằng Trung Quốc, cho tới ngày 7 tháng 5 năm 2009, chưa bao giờ chính thức tuyên bố về khu vực được định giới bởi đường đứt khúc chín đoạn. Động thái chính thức đầu tiên của Trung Quốc là vào ngày 7 tháng 9 năm 2009 khi quốc gia này gửi một công hàm thường đến Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa (CLCS) phản đối tuyên bố của Ma-lay-xi-a và Việt Nam gửi CLCS về khu vực thềm lục địa kéo dài trên Biển Đông. Trước đó, ngày 6 tháng 5 năm 2009, Việt Nam và Ma-lay-xi-a đã trình tuyên bố chung về khu vực thềm lục địa kéo dài tại khu vực phía Nam của Biển Đông. Việt Nam cũng trình một tuyên bố riêng vào ngày 7 tháng 5 năm 2009 về một khu vực thứ hai nằm ở phía Nam Hoàng Sa.

Dù theo cách diễn giải nào thì cũng cho thấy Trung Quốc muốn nắm quyền kiểm soát và coi toàn bộ khu vực là vùng lãnh hải của mình, mặc dù hiện tại Trung Quốc chưa thực sự có phương tiện quân sự hoặc sức mạnh chính trị để thực sự cấm hải quân nước ngoài, đặc biệt là Hải quân Mỹ, đi vào khu vực này. Đây là lý do vì sao hiện tại Trung Quốc chỉ diễn tập hải quân ở khu vực gây tranh cãi, cố gắng triển khai hoạt động hải cảnh trên toàn bộ khu vực như việc đơn phương cấm đánh bắt cá, hay việc tuần tra biển như Cơ quan An toàn Hàng hải Trung Quốc gần đây đã thực hiện với sự tham gia của tàu Hải tuần 31. Từ ngày 15 đến 23 tháng 6 năm 2011, tàu này đã tuần tra biển ở khu vực biển tranh chấp trước khi thực hiện chuyến thăm thăm xã giao sáu ngày tới Singapore. Đây

được thể hiện thuộc vùng nằm trong đường đứt khúc mười một đoạn của Trung Quốc. Ranh giới cực Nam được đánh dấu ở 4° vĩ Bắc. Theo nhà nghiên cứu Vương Tích Quang đã tham gia công tác biên soạn bản đồ cho Cục Địa lý thuộc Bộ Nội vụ của đến nay là Cộng hòa Trung Hoa, dưới sự lãnh đạo của Quốc Dân Đảng, “đường biên giới quốc gia đứt khúc được vẽ là đường trung tuyến giữa Trung Quốc và các quốc gia liền kề.”

⁶ Ibid.

cũng là lý do tại sao Trung Quốc không ngừng sử dụng những ngôn từ gay gắt tạo áp lực ngăn chặn Mỹ can thiệp vào tranh chấp trên biển Đông.

- 3 – Nếu có ngày Trung Quốc thành công trong việc làm cho các cách diễn giải khác nhau này được quốc tế công nhận:

- Điều này có nghĩa là một nước có thể tuyên bố chủ quyền trên biển khơi, trái với điều 89 của Công ước Luật biển Liên Hiệp Quốc trong đó quy định rõ *Không một Quốc gia nào có thể yêu sách đặt một cách hợp pháp một bộ phận nào đó của biển khơi thuộc vào chủ quyền của mình*".

- Điều này sẽ cho Trung Quốc khả năng cấm hải quân nước ngoài đi vào khu vực biển này bởi vì, trong hoàn cảnh đó, phần biển trong đường chín đoạn sẽ được coi là vùng lãnh hải của Trung Quốc.

- Kết quả là điều này sẽ cho Trung Quốc khả năng cấm hải quân nước ngoài đi vào khu vực quần đảo Hoàng Sa, nhờ đó tàu ngầm của Trung Quốc, theo chặng đường từ Tam Á hướng về phía Đông, có thể đi lại một cách an toàn tới các khu vực triển khai quân sự của mình, dù đó là phần biển sâu phía Bắc hay phía Nam Biển Đông, trong trường hợp thứ hai sẽ đi qua dải giữ Macclesfield - Truro .

- Ở bắc Biển Đông, nơi mà theo Tổ chức Thủy văn Quốc tế, bao gồm cả eo biển Đài Loan, điều này sẽ, do EEZ của Đại lục và Đài Loan liền nhau, cho Trung Quốc khả năng cấm hải quân nước ngoài đi qua Eo biển Đài Loan nếu chưa xin phép Bắc Kinh.

- Hơn nữa, điều quan trọng nhất là, trong hoàn cảnh này, toàn văn Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật biển UNCLOS sẽ bị đặt thành vấn đề. Điều này dẫn tới những hậu quả tai hại mà có thể lan sang các khu vực khác trên Thế giới.

Xa hơn nữa, chúng ta cần cân nhắc rằng ngay cả khi Trung Quốc thành công trong việc chiếm Biển Đông cho riêng mình, bố trí an ninh chiến lược của Trung Quốc đối với thứ được cho là mối đe dọa Mỹ chỉ là một bố trí yếu.. Đây là lý do tại sao Biển Đông chỉ là một phần, tuy là phần lớn nhưng chỉ là một phần, trong chiến lược tổng thể của Trung Quốc nhằm bao vây hải quân đối với Đài Loan.

Bởi vì, trong kế hoạch của mình, Trung Quốc phải xử lý hai khó khăn: sự phản kháng của Đài Loan, và giả thuyết sự ủng hộ của Mỹ đối với Đài Loan

trong trường hợp quan hệ giữa Đài Loan và Trung Quốc đại lục xấu đi. Trong cục diện tổng thể này, các vấn đề chính mà Trung Quốc và Mỹ đang phải đối mặt là các vấn đề sau: đối với Trung Quốc, vấn đề là làm thế nào để ngăn Mỹ không tiếp cận và đe dọa lãnh thổ Trung Quốc; đối với Mỹ là làm thế nào để kiềm chế tham vọng mở rộng chiến lược Trung Quốc và xa hơn nữa là ngăn chặn Trung Quốc gửi các lực lượng hải quân tiến tới quá gần lãnh địa Mỹ.

Trong triển vọng như vậy, chiến lược toàn cầu của Trung Quốc là:

- 1 – Đảm bảo nền quốc phòng tương lai bằng cách dựa vào đường xanh kéo dọc theo chuỗi đảo Mariana do Lưu Hoa Thanh, cựu Tư Lệnh Hải Quân Nhân Dân Trung Quốc (PLAN) vạch ra năm 1985.

- 2 – Nhờ đó có thể đưa các phương tiện hải quân, đặc biệt là tàu ngầm có tên lửa đạn đạo (SSBN), hiện tại có ít nhất hai chiếc (khi đã đủ khả năng đem ra sử dụng), và năm chiếc trong tương lai gần, vào tầm với gần nhất có thể của lãnh thổ Mỹ.

- 3 – Ngăn hải quân Mỹ tiến tới quá gần vùng thuộc chủ quyền của Trung Quốc.

Do đó để trả lời câu hỏi cuối cùng, nghĩa là làm thế nào để ngăn hải quân Mỹ tiến tới lãnh thổ Trung Quốc bao gồm cả Đài Loan, Trung Quốc đang, cùng với các phương tiện khác như tàu ngầm tấn công hạt nhân và chương trình tàu sân bay đang trong giai đoạn xây dựng, bắt đầu phát triển khả năng chống xâm nhập. Khả năng chống xâm nhập này phụ thuộc vào việc sử dụng tên lửa diệt tàu sân bay DF-21C có tầm với trong vòng 1500 km, được dùng để phát hiện mục tiêu di động bằng hệ thống dò tìm trên không để định vị và theo dõi chuyển động của tàu đang di chuyển.

Tuy nhiên điều đó chưa đủ. Trên thực tế, để đảm bảo chiến lược quốc phòng tương lai bằng cách dựa vào đường xanh và sau đó là đưa các phương tiện hải quân tiến xa ra khỏi Trung Quốc và tới gần lãnh thổ Mỹ, Trung Quốc cần những con đường an toàn tiến ra biển khơi.

- Đây là một trong các lý do Trung Quốc muốn biến Biển Đông thành một thánh địa, để có thể đảm bảo triển khai đội tàu ngầm một cách an toàn từ Tam Á tới phần sâu nhất của Biển Đông như tôi vừa giải thích.

- Nhưng đây chỉ là một trong nhiều nguyên nhân, và chắc chắn là nguyên nhân chính khiến Trung Quốc muốn thống nhất Đài Loan với đại

lực bằng mọi giá. Trung Quốc muốn làm vậy bởi Đài Loan chính là điểm then chốt khoanh lại hai biển Trung Hoa, hai biển nửa kín và được chắn bởi các chuỗi đảo có thể tạo nhiều cản trở cho giao thông đường biển và buộc tàu phải đi qua đường giữa các đảo này:

- Biển Hoa Đông được khoanh bởi chuỗi đảo Ryukyus (tiếng Nhật gọi là Nansei), kéo dài cho tới Điếu ngư (Senkakus) – về mặt hình thái không thuộc chuỗi đảo Ryukyus.

- Biển Đông được khoanh bởi Phi-lip-pin, đảo Borneo, và Indonesia

- Do đó khi xem xét hình thái khu vực này, bất kỳ lực lượng hải quân nào muốn rời một trong hai vùng biển này để tiến ra Thái Bình Dương đều phải đi qua các eo biển khác ngang qua các đảo rải rác này. Một số eo biển trong số này khá rộng, như Eo biển Okinawa-Miyako rộng khoảng 150 dặm. Tuy nhiên phần lớn các eo biển đều hẹp. Do đó trong thời gian khủng hoảng hoặc chiến tranh, tất cả các lối đi này đều có thể dễ dàng bị chặn hoặc mai phục nếu có đủ số lượng tàu ngầm và các phương tiện hải quân khác. Đây là vấn đề hải quân Trung Quốc hiện đang phải đối mặt khi muốn tiến ra đại dương. Trong thời bình, lực lượng hải quân Trung Quốc không thể di chuyển mà không bị phát hiện khi đi qua các chuỗi đảo nhỏ này. Peter Dutton đã đề cập vấn đề này kỹ hơn tôi trong cuốn sách có tiêu đề: *“Scouting, Signaling, and Gatekeeping”* (*“Trình sát, Ra hiệu, và Giữ cửa”*) xuất bản tháng 2/2009.

-Bố trí hình thái của các đảo quanh các vùng biển Trung Quốc như vậy giải thích lý do tại sao Trung Quốc muốn lấy lại Đài Loan cùng với Điếu ngư liền đó. Trên thực tế, việc lấy lại Đài Loan sẽ giúp Hải Quân Nhân Dân Trung Quốc (PLAN) có vùng nước chủ quyền thực sự và an toàn bởi vùng nước của Đài Loan khi đó sẽ thuộc toàn quyền kiểm soát của Bắc Kinh: về phía Bắc Đài Loan vùng nước này kéo dài tới quần đảo Điếu ngư, về phía Nam vùng nước sẽ bao trùm nửa Eo biển Bashi. Nhờ vậy Hải quân Trung Quốc sẽ có thể tự do đi lại trên Thái Bình Dương qua những vùng nước nay đã thuộc chủ quyền của Trung Quốc. Nếu những tuyến đường này tự do trong thời bình thì trong bối cảnh chiến tranh sẽ không ngăn được các lực lượng thù địch áp dụng chiến lược phong tỏa để

cấm các phương tiện hải quân Trung Quốc đi ra các vùng nước tự do của Thái Bình Dương.

- Tất cả những điều này lý giải rõ tại sao trong chiến lược toàn cầu ngăn chặn Mỹ, Trung Quốc thực sự muốn lấy lại Đài Loan, vị trí then chốt mở ra hoặc đóng lại các con đường tiếp cận với biển khơi.

• Và đây là lý do tại sao Trung Quốc đã bắt đầu triển khai chiến lược hải quân quy mô lớn bao vây Đài Loan, một chiến lược mà trong đó biển Đông thành một thánh địa, như tôi đã nêu, chỉ là một quân cờ trên bàn cờ vây khổng lồ và ván cờ đã được bắt đầu. Các quân cờ khác, có mạnh, có yếu hơn, được trình bày dưới đây:

– Hành xử hiếu chiến của Trung Quốc trên Biển Đông nhằm thống trị toàn bộ khu vực

– Hành xử hiếu chiến của Trung Quốc liên quan đến chủ quyền đối với钓鱼台

– Hải quân Trung Quốc đi nhiều lần qua các eo biển của Nhật Bản, hoặc tiến hành diễn tập quân sự tại các vùng nước gần Nhật Bản, hoặc theo dõi tập trận hải quân chung của Nhật Bản-Mỹ. Sách trắng quốc phòng Nhật Bản năm 2011 đã đề cập tới 10 hoạt động kiểu này của Trung Quốc này từ tháng 11 năm 2004 tới 6 năm 2011. Trước đó, Peter Dutton, trong cuốn sách xuất bản tháng 2 năm 2009 của mình có tiêu đề “*Scouting, Signaling, and Gatekeeping*” (“*Trình sát, Ra hiệu, và Giữ cửa*”), đã không chỉ đề cập một số hoạt động như vậy mà còn nêu hai lần tương tự tàu Trung Quốc đi qua các eo biển của Nhật Bản ngoài eo biển Okinawa-Miyaki, vào tháng 5 năm 2000 và tháng 11 năm 2003.

– Phản đối của Trung Quốc vào ngày 6 tháng 2 và 24 tháng 8 năm 2009 đối với yêu cầu ngày 12 tháng 11 năm 2008 của Nhật Bản trình Ban các vấn đề đại dương và luật biển của Liên Hiệp Quốc về vùng thềm lục địa kéo dài xung quanh đảo Okinotori nằm giữa Okinawa và Guam. Trung Quốc lo ngại rằng nếu tuyên bố của Nhật Bản được chấp thuận, Nhật Bản và do đó là Mỹ sẽ có khả năng lớn nhất theo dõi các hoạt động của PLAN trên đường tới tới đường xanh và Guam.

– Cuối cùng nếu xâu chuỗi các hoạt động hải quân của Trung Quốc lại với nhau thì không thể không thấy thấy rõ mục tiêu của Trung Quốc là cô lập Đài Loan, áp đặt áp lực một cách gián tiếp để cuối cùng Đài Loan rơi vào lưới của Lục địa mà không kháng cự quá nhiều nếu có thể, và không tổn hại nhiều.

Thưa ngài chủ tọa và quý vị,

Giả thuyết chiến lược và nhận định tôi vừa nêu tất nhiên cần được kiểm chứng, củng cố, đào sâu, hoặc ngược lại phủ định bằng các bằng chứng khác ngoài những gì tôi đã trình bày. Qua bài trình bày này tôi chỉ muốn chỉ rõ các lý do chiến lược giải thích vì sao Trung Quốc nhất thiết muốn lấy lại Đài Loan, trong kế hoạch tổng thể đang được Trung Quốc xây dựng nhằm đối phó với giả thuyết mối thù địch từ Mỹ và các đồng minh, đặc biệt là Nhật Bản. Và theo kế hoạch này, lý do Trung Quốc nhất thiết cần Biển Đông là để phục vụ bản thân họ. Đó là lý do tại sao bất chấp các đề xuất hòa bình Trung Quốc đã đưa ra nhằm cải thiện niềm tin của khu vực vào Trung Quốc, toàn thể cộng đồng quốc tế, không chỉ Mỹ, cần ý thức rằng trừ khi Trung Quốc phải chịu các áp lực lớn về ngoại giao và chính trị, quốc gia này vẫn sẽ kiên quyết mở rộng và thâm tóm kiểm soát trên khu vực Biển Đông.

May mắn thay tôi không phải là người duy nhất nghĩ vậy. Giáo sư Tetsuo Kotani, Nghiên cứu sinh đặc biệt của Viện Okazaki tại Tokyo cũng đã đưa ra các kết luận tương tự và xuất bản trong bài báo có tiêu đề “*Vì sao Trung Quốc muốn Biển Đông*”⁷ trên tạp chí The Diplomat ngày 18 tháng 7 năm nay.

Tất nhiên chúng ta có thể hiểu những mối lo lắng về quốc phòng của Trung Quốc. Tuy nhiên những mối lo lắng này không thể là lý do biến Biển Đông thành Biển của Trung Quốc, như Mussolini đã từng cố gắng biến Địa Trung Hải thành *vùng biển của chúng ta (mare nostra)* trong Chiến tranh Thế giới thứ hai. Một quốc gia nào đó, như Trung Quốc đang làm, coi Biển Đông là một vấn đề nội bộ cần được giải quyết giữa các quốc gia Viễn Đông. Điều này là không đúng. Bởi Biển Đông là đường biển quốc tế, do đó không thể đặt dưới quyền kiểm soát của duy nhất một quốc gia theo chủ ý của quốc gia đó trong bất kỳ hoàn cảnh nào, ngay cả khi quốc gia đó, bằng suy nghĩ hay hành động, hứa sẽ đảm bảo rằng hàng hải quốc tế sẽ không bị phương hại. Làm thế nào để có thể

⁷ <http://the-diplomat.com/2011/07/18/why-china-wants-the-south-china-sea/>

tin tưởng vào một lời hứa như vậy trong khi Trung Quốc đang hành động như hiện tại trên khu vực này?

Biển Đông là đường biển quốc tế và vai trò này cần được bảo vệ toàn vẹn và không đặt dưới sự kiểm soát của duy nhất một quốc gia nào.

Bản gốc tiếng Anh: “*WHY CHINA ABSOLUTELY NEEDS THE SOUTH CHINA SEA FOR ITSELF ALONE: A PROSPECTIVE AND INDEPENDENT VIEW FROM OUTSIDE* ”

Bài tham luận tại Hội thảo Khoa học Quốc tế lần thứ ba: “**Biển Đông: Hợp tác vì An ninh và Phát triển trong Khu vực**” do Học viện Ngoại giao và Hội Luật gia đồng tổ chức tại Hà Nội từ 4-5/11/2011.